

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2020

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2019/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25-5-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đội A, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17-10-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng L tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 20-4-2017; quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh L không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con; mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh L không thay đổi; hiện vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 28-01-2018; chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Tại Bản tự khai ngày 09-01-2020, bị đơn anh Nguyễn Hồng L trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị N tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T vào năm 2017. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn nhưng cách sống và suy nghĩ không hợp nhau. Từ tháng 8-2019, vợ chồng không còn chung sống. Chị N có yêu cầu ly hôn thì anh chưa đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Phúc T đang sống với chị N; trường hợp ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị N nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); hiện nay anh làm nghề kinh doanh tại nhà, thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử,

Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh L. Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Chị N và anh L đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị không xem xét. Chị N và anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Nguyễn Hồng L vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị N và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20-4-2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh L trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận cách sống và suy nghĩ không hợp nhau, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 8-2019 đến nay. Anh L tuy chưa đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng không đến hòa giải, không đến phiên tòa, cho thấy anh L không có ý muốn hòa giải đoàn tụ. Từ đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Chị N và anh L có con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 28-01-2018, hiện đang sống với chị N. Xét anh L đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là tự nguyện, chị N có khả năng, điều kiện nuôi con và việc giao con cho chị N nuôi dưỡng bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 7-2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu tối thiểu của con và khả năng cấp dưỡng của anh L.

[2.3] Chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và điều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị N và anh L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hồng L.

3. Giao cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 28-01-2018 cho chị Đoàn Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Phúc T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7-2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003053 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND p.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh